



Ghi chú:

- **0629/HS/KT1:** Mẫu khí thải ống khói sau hệ thống xử lý khí thải lò đốt, E 109°9'40.2", N 13°58'39.3"

- **0629/HS/KT2:** Mẫu khí thải lấy tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải cho hệ thống chưng cất dung môi, xử lý bóng đèn huỳnh quang, tháo dỡ ac quy, xử lý và thu hồi thiết bị điện, điện tử, E 109°9'40.1", N 13°58'38.5"

- (d): chỉ tiêu do Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển công nghệ cao - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam thực hiện;

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2024

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Huỳnh Đức Long

Hoàng Đình Đình



Nguyễn Hoài Nam



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02846.3/2024/PKQ (24.975.12A2406.651,656)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty TNHH TM & MT Hậu Sanh
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Nhà máy tái chế và xử lý chất thải nguy hại Hậu Sanh,
xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 2
Thời gian lấy mẫu : 29/06/2024
Thời gian thử nghiệm : 29/06/2024 - 18/07/2024

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	
				0629/HS/ KT1	0629/HS/ KT2
1.	Nhiệt độ	°C	QT.HT.KT50	47,9	-
2.	Lưu lượng khí thải	m ³ /h	US EPA Method 2	2.747	-
3.	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	36	32,4
4.	Cadimi và hợp chất, tính theo Cd	mg/Nm ³	US EPA Method 29	<0,00001	-
5.	Chì và hợp chất, tính theo Pb	mg/Nm ³	US EPA Method 29	<0,00001	<0,0003
6.	Thủy ngân và hợp chất, tính theo Hg	mg/Nm ³	US EPA Method 29	<0,00001	<0,00001
7.	Axit clohydric, HCl	mg/Nm ³	JIS K 0107:2012	<5	-
8.	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	41,9	-
9.	SO ₃	mg/Nm ³	US EPA Method 8	-	<1,5
10.	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	64,1	-
11.	Lượng oxy dư (đo tại điểm lấy mẫu)	%	QT.HT.KT50	10,72	-
12.	Tổng các kim loại nặng khác (As, Sb, Ni, Co, Cu, Cr, Sn, Mn, Ti, Zn) và hợp chất tương ứng	mg/Nm ³	US EPA Method 29	<0,00001	-
13.	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	27,4	-
14.	Tổng Dioxin/ Furan ^(d)	ng-TEQ/Nm ³	US EPA Method 23	0,107	-
15.	Metylaxetylen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	-	<0,002
16.	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	-	<0,003
17.	Tổng hydrocacbon, THC	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	<0,0005	-

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.